

Số: /2026/QĐ-UBND Quảng Ngãi, ngày tháng 02 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

**Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; diện tích công trình sự nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 155/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 88/TTr-STC ngày 12 tháng 12 năm 2025 và Công văn số 491/STC-QLGCS ngày 21 tháng 01 năm 2026; ý kiến thẩm định của Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo số 264/BC-STP ngày 06 tháng 12 năm 2025 và ý kiến thống nhất của Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; diện tích công trình sự nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi.

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; diện tích công trình sự nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi.

2. Các nội dung khác liên quan đến tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; diện tích công trình sự nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số

90/2025/QH15; Nghị định số 155/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

3. Quyết định này không áp dụng đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 7; điểm d, điểm e khoản 2 Điều 11 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

**Điều 3. Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; diện tích công trình sự nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi**

1. Diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo:

a) Căn cứ quy định chi tiết hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại điểm a khoản 2 Điều 12 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP:

Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo đối với đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo của đơn vị mình.

b) Trường hợp Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa quy định chi tiết hướng dẫn hoặc chưa quy định chi tiết hướng dẫn đầy đủ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP các cơ quan, đơn vị tại điểm a khoản này quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo theo thẩm quyền được phân cấp. Sau khi Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 12 Nghị định số 155/2025/NĐ-CP, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát để thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo đã ban hành cho phù hợp với quy định chi tiết hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Diện tích chuyên dùng

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, gồm các loại diện tích chuyên dùng sau:

a) Kho chuyên ngành: kho bảo quản các tài sản theo yêu cầu thực hiện nhiệm vụ đặc thù của ngành;

b) Kho lưu trữ chuyên dụng (nếu có);

c) Nhà lưu trú công vụ phục vụ hoạt động nghiệp vụ đặc thù của ngành, diện tích rèn luyện thể chất của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (nếu có);

d) Diện tích chuyên dùng khác không thuộc diện tích quy định tại các điểm a, b, c khoản này phục vụ nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị (nếu có);

3. Diện tích công trình sự nghiệp khác ngoài diện tích công trình sự nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này:

a) Cơ quan, tổ chức thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định diện tích công trình sự nghiệp khác của đơn vị thuộc phạm vi quản lý; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp khác tại đơn vị mình.

b) Diện tích công trình sự nghiệp khác gồm: diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch, thông tin, truyền thông, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, ngoại giao, nông nghiệp và môi trường và các lĩnh vực khác.

#### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

Căn cứ Quyết định này, các cơ quan, tổ chức, đơn vị rà soát nhu cầu thực tế, ban hành tiêu chuẩn, định mức theo đúng quy định, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, chống lãng phí; báo cáo Sở Tài chính theo dõi tổng hợp.

#### **Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày....tháng.... năm 2026.

2. Các Quyết định sau hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực:

a) Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi;

b) Quyết định số 72/2021/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi sửa đổi, bổ sung Điều 1 Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh

ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi;

c) Quyết định số 03/2023/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng công trình sự nghiệp khác (ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi;

d) Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum;

đ) Quyết định số 37/2023/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

**Điều 6.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế, Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- VPUB: PCVP, các phòng, ban, đơn vị;
- Lưu VT, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Ngọc Sâm**